

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2021

V/v tranh chấp ly hôn

và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Trường Lâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Phan Văn Chiêu**

Ông **Danh Hưởng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Văn An** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 291/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc **“Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Kim P**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số XX, đường VTS, khóm YY, phường A, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chị P, anh M có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/9/2020, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Kim P trình bày:

Về hôn nhân: chị P và anh Nguyễn Văn M tổ chức đám cưới và sống chung với nhau vào ngày 19/12/2010 âm lịch, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 18/01/2011. Chị P xác định sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị và anh M đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Thời gian ly thân, hai người không tìm ra được biện pháp hàn gắn tình cảm, vì vậy chị P yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: chị P và anh M có 01 người con nuôi tên Nguyễn Chí Thiện N, sinh ngày XX/YY/2017. Anh M trực tiếp nuôi dưỡng con từ ngày ly thân đến nay. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị P xác định chị và anh M không có tài sản chung, không có nợ chung; khi ly hôn chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về hôn nhân: anh M thống nhất lời trình bày của chị P là đúng, anh đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: anh M yêu cầu được nuôi cháu N và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: thống nhất theo lời trình bày của chị P.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát trễ so với quy định. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho chị P ly hôn với anh M; giao con chung cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị P yêu cầu ly hôn và anh M có địa chỉ thường trú tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* chị P và anh M tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của chị P và anh M là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị P và anh M xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn được và tự nguyện đồng ý chấm dứt cuộc sống chung. Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh M.

[3] *Về con chung:* chị P và anh M có 01 người con nuôi tên Nguyễn Chí Thiện N, sinh ngày XX/YY/2017. Khi ly hôn chị P và anh M đều có yêu cầu được nuôi cháu N. Tại phiên tòa, chị P xác định anh M trực tiếp nuôi dưỡng con từ khi anh chị ly thân vào năm 2017 đến nay, con chung phát triển khỏe mạnh bình

thường như những đứa trẻ cùng trang lứa, cháu được anh M cho đi học mẫu giáo ở trường gần nhà. Lý do chị P yêu cầu được nuôi con là những khi nhà chị có hỷ sự, hay tết nhất thì anh M không chịu đồng ý cho chị chở cháu về gia đình chị chơi. Chị P xác định lâu lâu thì anh M cũng đưa con về thăm gia đình chị, mỗi lần chị đến thăm con thì anh M luôn tạo điều kiện cho mẹ con gặp nhau. Xét thấy, con chung sống cùng với anh M từ năm 2017 đến nay, hiện tại cháu đã phát triển ổn định, được chăm sóc và ăn học đầy đủ, thể hiện anh M đã chăm lo, nuôi dưỡng, giáo dục cháu chu đáo. Do đó, không cần thiết phải thay đổi môi trường sống và học tập của cháu, tránh làm ảnh hưởng đến tâm lý của con chưa thành niên. Trên cơ sở cân nhắc các quyền lợi phát triển tốt nhất của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho anh M tiếp tục giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Tòa án rút kinh nghiệm đối với việc gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát theo quy định của tố tụng dân sự.

[7] *Về án phí*: Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị P phải nộp 300.000đ, chị P đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009673 ngày 17/11/2020 được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chị Trần Kim P được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.
2. Về con: giao cháu Nguyễn Chí Thiện N, sinh ngày XX/YY/2017 cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.
4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.
5. Về án phí: chị P phải nộp 300.000đ, chị P đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009673 ngày 17/11/2020 được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND M Phước Long;
- Chi cục THADS M Phước Long;
- UBND phường A, TP. BL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lư Trường Lâm